

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CHĂM SÓC GIÁO DỤC TRẺ 3-4 TUỔI

A. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Mục tiêu:

1.1 Tổ chức bữa ăn

- 100% trẻ ăn bán trú tại trường, không để trẻ xảy ra thương tích hay ngộ độc thực phẩm.
- Tổ chức các bữa ăn cho trẻ đảm bảo theo quy định, đủ năng lượng của trẻ trong ngày, cung cấp dinh dưỡng giúp trẻ phát triển cân đối, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng. Đảm bảo khẩu phần ăn cho trẻ đạt tỉ lệ Kcal từ 615- 726 Kcal trẻ/ ngày.
- Thực hiện ký hợp đồng với nhà cung cấp thực phẩm. Đảm bảo 100% nguồn thực phẩm tươi ngon rõ nguồn gốc đảm bảo chất lượng, hợp vệ sinh.
- Thực hiện tốt 3 bước, lưu đủ mẫu thức ăn hằng ngày theo quy định.
- Giáo viên cung cấp cho trẻ biết được một số món ăn, thực phẩm; trẻ kể được một số dạng chế biến thông thường và lợi ích của các loại thực phẩm.
- Giáo viên rèn cho trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống, dạy trẻ làm một số việc tự phục vụ trong tổ chức bữa ăn; trẻ biết phân loại các đồ dùng ăn uống.

1.2 Tổ chức giấc ngủ

- Giúp trẻ có giấc ngủ tốt với khoảng thời gian 150 phút, đảm bảo sức khỏe, giúp trẻ phát triển toàn diện
- Trẻ có thói quen chuẩn bị cho giấc ngủ tốt và sau khi ngủ dậy

1.3 Tổ chức vệ sinh

- Giáo viên giúp trẻ có thói quen vệ sinh vệ sinh, có một số hành vi tốt trong vệ sinh, biết giữ gìn cơ thể khỏe mạnh.
- Trẻ biết thực hiện vệ sinh hằng ngày và khi thấy bẩn; trẻ thực hiện các thao tác VS có kỹ năng tốt.

1.4 Chăm sóc sức khỏe

- Trẻ biết giữ gìn sức khỏe và sự an toàn. Trẻ có một số kiến thức về phòng bệnh thông thường.

2. Chuẩn bị:

- Tổ chức bữa ăn: Giáo viên phải chuẩn bị đầy đủ đồ dùng cho bữa ăn
- Tổ chức giấc ngủ: Giáo viên phải chuẩn bị tâm thế cho trẻ, các đồ dùng phục vụ tốt cho giờ ngủ
- Tổ chức vệ sinh: Giáo viên chuẩn bị đầy đủ đồ dùng vệ sinh, nước sạch nước sát khuẩn...
- Chăm sóc sức khỏe: Giáo viên thường xuyên theo dõi sức khỏe trẻ.

3. Nội Dung

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Một bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 615 - 726 Kcal. - Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày. - Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu: + Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13%-20% năng lượng khẩu phần. + Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25%- 35% năng lượng khẩu phần. + Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52%- 60% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ mẫu giáo gồm: cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, cần đổi mới hình thức tổ chức ăn cho trẻ như ăn tự chọn, bữa ăn gia đình, ăn bằng khay... nhưng vẫn phải đảm bảo nguyên tắc vệ sinh toàn toàn thực phẩm, cân đối các chất dinh dưỡng, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn	CBQL, Giáo viên, , nhân viên nấu ăn, Phụ huynh	

	<i>* Trước khi ăn:</i> - Tổ chức cho trẻ vệ sinh rửa tay lau mặt sạch sẽ. - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, lọ hoa, giấy lau,...Cô khuyến khích động viên trẻ cùng kê bàn, trang trí bàn ăn cùng với cô. - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát, không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. Nhà trường có thể thay đổi các hình thức tổ chức bữa ăn theo ngày hoặc mỗi tuần 1 bữa (ăn tự chọn, bữa ăn gia đình..) để cho trẻ có hứng thú trong bữa ăn, rèn kỹ năng tự phục vụ nhưng phải đảm bảo an toàn phẩm và dinh dưỡng cho trẻ <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
--	---	--	--

2. Tổ chức giấc ngủ	- Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). * Trước lúc cho trẻ ngủ: - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối (phù hợp với tăng độ tuổi); - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). * Trong khi ngủ - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngại ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên nấu ăn	
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng).	Giáo viên và bảo vệ	

	- Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để gv có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, Giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, giày dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp <i>* Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:</i> - Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn.		
--	---	--	--

	+ Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). + Kiểm soát thời gian đi vệ sinh của trẻ (trẻ mẫu giáo). <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hàng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khăn ô màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe và an toàn	a. Chăm sóc sức khỏe <i>* Khám sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường phối hợp với các cơ sở y tế có đủ điều kiện tổ chức khám, điều trị theo các chuyên khoa như: Nhi khoa, mắt, tai – mũi – họng, răng – hàm – mặt, cơ – xương – khớp... nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp. - Nhà trường tổ chức khám sức khỏe cho trẻ một năm ít nhất 1 lần; Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao - Theo dõi cân nặng, chiều cao 3 tháng/lần (vào tháng 9, 12/2023 và tháng 3/2024); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:	- CBQL - Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	

	- Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đẹn hô hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, Cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ huynh và giáo viên. d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
--	---	--	--

5. Chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng	- Trẻ được quan tâm hơn về nhiều mặt, được chăm sóc riêng khi ăn, ngủ - Thường xuyên trao đổi với phụ huynh về sức khỏe của trẻ	- CBQL - Giáo viên phụ trách nhóm lớp - Nhân viên y tế - Phụ huynh	
---	--	---	--

B. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC 3-4 TUỔI

Mục tiêu	Nội dung
1. Lĩnh vực Phát triển thể chất	
* Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
*Dinh dưỡng và sức khỏe: 1.Trẻ khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi. <u>Bé trai:</u> - Cân nặng đạt 12.9 - 20.8 kg. - Chiều cao đạt: 94.4 - 111.5 cm. <u>Bé gái:</u> - Cân nặng đạt 12.6 - 20.7 kg. - Chiều cao đạt: 93.5-109.6 cm.	- Ăn đầy đủ các chất dinh dưỡng, ăn hết khẩu phần ăn trong ngày, thích nghi với các loại thức ăn khác nhau, uống đủ lượng sữa và nước trong ngày. - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ - Tập thể dục sáng, các hoạt động thể dục trong ngày và tăng cường vận động - Trẻ khỏe mạnh phát triển cân đối theo độ tuổi - Trẻ cân 3 lần/ năm vào tháng 09, tháng 12, tháng 3, đo 2 lần vào tháng 9 và tháng 3 và được theo dõi trên biểu đồ tăng trưởng. - Cân đo theo dõi trẻ duy dinh dưỡng hàng tháng, phòng chống béo phì cho trẻ - Trẻ được khám sức khỏe theo định kỳ ít nhất 1 năm/2 lần. Khám chuyên khoa ít nhất 1 lần/ năm
2. Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc khi nhìn vật thật hoặc tranh ảnh (Một số thịt, cá trứng, sữa, rau.....) Biết tên 1 số món ăn hàng ngày Trứng rán, cá kho, canh rau....	- Nhận biết 1 số thực phẩm quen thuộc với trẻ. - Nhận biết, gọi tên 1 số món ăn quen thuộc với trẻ ở nhà và ở trường,
3.Trẻ biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.	- Dạy trẻ biết một số thực phẩm có lợi cho sức khỏe: ăn nhiều rau xanh thẫm, quả có màu vàng, đỏ có lợi cho mắt, cá tôm, bắp cải, cà rốt có lợi cho răng, ăn nhiều rau xanh, quả chín đẹp da... - Trẻ ăn hết khẩu phần ăn trong ngày, bữa ăn ở trường và ở nhà - Dạy trẻ ăn uống đủ lượng và đủ chất, không ăn nhiều quá, không ăn ít quá - Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...). Xem chương trình Kiss TV7 : chiếc bụng đói
4. Biết thức ăn không đảm bảo vệ sinh, ăn không khoa học sẽ dẫn bệnh tật.	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...) - Cách phòng tránh.

5. Trẻ thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt với sự giúp đỡ của người lớn.	- Dạy trẻ làm quen với các thao tác rửa tay, lau mặt + Tập rửa tay bằng xà phòng + Tập lau mặt bằng khăn ẩm. - Dạy trẻ một số kỹ năng tự phục vụ + Dạy trẻ kỹ năng súc miệng bằng nước muối. + Dạy trẻ xếp dép trước khi đi ngủ + Dạy trẻ biết lấy gối trước khi đi ngủ và cất gối sau khi ngủ dậy + Dạy trẻ kỹ năng lồng tắt ,tháo tắt. + Dạy trẻ kỹ năng đi dầy + Dạy trẻ kỹ năng mặc áo, mặc quần và cởi quần, áo. - Trẻ biết thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ngủ, vệ sinh
6. Trẻ biết sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách.	- Hướng dẫn trẻ cách sử dụng bát, thìa, cốc đúng cách. - Một số đồ dùng gia đình, bát, thìa - Tổ chức giờ ăn: Hỏi trẻ về cách cầm bát, cầm thìa.
7. Trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống.	- Dạy trẻ có một số hành vi tốt trong ăn uống: + Rửa tay trước khi ăn, biết mời cô, mời bạn. + Trong khi ăn không nói chuyện nhai kỹ rồi nuốt, không xúc của bạn, không xúc của mình sang bạn. + Ăn xong biết xếp ghế, cất bát, súc miệng, lau miệng. + Dạy trẻ làm quen cách đánh răng.
8. Trẻ có một số hành vi tốt trong vệ sinh, phòng bệnh	- Lợi ích của việc giữ gìn thân thể, vệ sinh môi trường với sức khỏe con người. Biết rửa tay , lau mặt đúng thao tác. Có thói quen rửa tay sạch sẽ sau khi chơi và đi vệ sinh, trước bữa ăn, - Dạy trẻ một số kỹ năng phòng bệnh: + Dạy trẻ cách đeo khẩu trang đúng cách + Dạy trẻ biết đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm khi trời lạnh, đi tất khi trời lạnh, đổi dép khi vào lớp dép. - Dạy trẻ không ăn quà vặt, không uống nước lã. - Dạy trẻ thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, uống vệ sinh. - Dạy trẻ nhận biết một số biểu hiện khi ốm : nóng, sốt, ho, sổ mũi, lạnh
9. Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu.	- Nhận biết một số biểu hiện khi ốm, đau và cách giải quyết (Sốt cao, sổ mũi, ho...)

10. Trẻ nhận ra và tránh một số vật dụng nguy hiểm, nơi nguy hiểm, khi được nhắc nhở.	- Nhận biết và phòng tránh những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như (bàn là, phích nước nóng, dao nhọn) những nơi không an toàn như (Ao, hồ, sông, suối, nương nước, giếng nước) + Dạy trẻ phòng tránh các vật dụng dẫn điện gây điện giật
11. Biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở:	- Dạy trẻ không cười đùa trong khi ăn, uống hoặc khi ăn các loại quả có hạt.... - Không tự lấy thuốc uống. - Không leo trèo bàn ghế, lan can. - Không nghịch các vật sắc nhọn. - Không theo người lạ ra khỏi nhà, khu vực trường lớp. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
*Phát triển vận động	
12. Thực hiện đủ các động tác trong bài tập thể dục theo hướng dẫn.	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước, sang 2 bên. + Co và duỗi tay, bắt chéo 2 tay trước ngực. - Lung, bụng, lườn: + Cúi về phía trước. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang; ngồi xổm; đứng lên; bật tại chỗ. + Co duỗi chân. - Các bài tập đồng diễn, dân vũ
13. Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi thực hiện vận động đi.	+ Đi kiễng gót liên tục 3m. + Đi trong đường dích dắc. + Đi trên vạch kẻ thẳng + Đi trong đường hẹp. + Đi trong đường hẹp đầu đội túi cát. + Đi kiễng gót, búc lên xuống bậc cao + Đi trong đường hẹp- Bò thấp. + Đi bước dồn ngang- Trèo ghế.
14. Trẻ kiểm soát được vận động: Đi/ chạy.	+ Đi/ chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. + Đi/ Chạy thay đổi theo hướng dích dắc. + Chạy liên tục trong đường dích dắc 3 – 4 điểm.
15. Trẻ phối hợp tay- mắt trong vận động: tung- bắt bóng, tự đập-bắt bóng	- Tung bắt bóng với cô được 3 lần liên - Lăn bóng cho bạn - Chuyển bóng theo hàng ngang - Ném trúng đích nằm ngang. Xa 1,5m - Chuyển bóng qua đầu

	- Chuyển bóng qua chân - Ném trúng đích thẳng đứng. - Ném xa bằng 1tay. - Đập bóng xuống sàn bằng 2 tay; - Lăn bóng vào lưới - Tung bóng lên cao bằng 2 tay.
16. Thực hiện phối hợp các cơ quan trong cơ thể trong các vận động: Bò, trườn, trèo	+ Bò theo hướng thẳng. + Bò chui qua cổng. + Bò trong đường đích dắc + Trườn về phía trước +Trườn sắp kết hợp trèo qua ghế. +Trèo lên xuống thang. + Bước lên, xuống bậc cao 30cm
17. Thể hiện mạnh dạn, tự tin trong vận động.	+Bật tại chỗ. +Bật về phía trước +Bật xa 20 - 25 cm.
18. Thể hiện nhanh, mạnh, khéo trong thực hiện bài tập tổng hợp:	+ Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng + Ném trúng đích ngang(xa 1,5m). + Bò trong đường hẹp(3mx0,4m) không chệch ra ngoài.
19. Trẻ thực hiện được các vận động: Xoay tròn cổ tay; Gập, đan ngón tay vào nhau.	- Xoay tròn cổ tay. - Gập, đan ngón tay vào nhau.
20. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động:	+ Gập các ngón tay vào nhau, quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay. + Đan tết. + Xếp chồng các hình khối khác nhau + Xé, dán giấy. + Sử dụng kéo, bút + Tô vẽ nguệch ngoạc + Tự cài, cởi cúc, tự tháo, cởi dây dép.....
21. Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay trong một số hoạt động: Vẽ hình tròn; Cắt thẳng; Xé dán; Xếp chồng khối; Cài, cởi cúc,...	+ Vẽ được hình tròn theo mẫu. + Cắt thẳng được một đoạn 10 cm + Sử dụng kéo bút; Tô, vẽ nguệch ngoạc. + Xé, dán giấy + Cài, cởi cúc; Đan, tết. * Trải nghiệm: Làm quà tặng cô giáo, tặng mẹ; Làm quà tặng chú bộ đội, Trang trí cây hoa ngày tết, gấp thuyền, gấp máy bay, làm chong chóng, xé dán đám mây, xé dán đuôi điều....
2. Lĩnh vực Phát triển nhận thức	
* Khám phá khoa học	
22. Trẻ biết quan tâm, hứng thú với các sự vật, hiện	- Quan sát cây cối, hoa, quả

tượng gần gũi, như chăm chú quan sát sự vật, hiện tượng; hay đặt câu hỏi về đối tượng.	- Quan sát con vật: Động vật nuôi trong gia đình; động vật sống trong rừng, động vật sống dưới nước, côn trùng... - Quan sát nắng mưa, thời tiết, bầu trời - Nhận biết trang phục theo mùa
23. Trẻ sử dụng các giác quan để xem xét, tìm hiểu đối tượng:	- Cảm nhận giác quan của một số bộ phận trên cơ thể nhìn, nghe, ngửi, sờ,.. để nhận ra đặc điểm nổi bật của đối tượng, nhận biết đồ dùng đồ chơi.
24. Trẻ làm thử nghiệm đơn giản với sự giúp đỡ của người lớn để quan sát, tìm hiểu đối tượng. Ví dụ: thả các vật vào nước để nhận biết chìm hay nổi.	- Trẻ làm một số thí nghiệm đơn giản như Thả các vật vào nước để nhận biết vật chìm hay nổi. - Các chất tan, không tan - Hiện tượng, lạnh, nắng, mưa - Khám phá về nước - Thả vật chìm nổi. - Pha màu nước, pha đường, muối.
25. Trẻ biết Thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau có sự gợi mở của cô giáo như xem sách, tranh ảnh và trò chuyện về đối tượng.	- Xem tranh ảnh, nhận biết hình ảnh, gọi tên một số hình ảnh trong tranh - Đồ dùng đồ chơi bé trai, bé gái. - Đồ dùng gia đình - Đồ dùng, sản phẩm một số nghề
26. Trẻ biết Phân loại các đối tượng theo một dấu hiệu nổi bật.	- Đồ dùng đồ chơi trong trường mầm non - Tìm hiểu một số loại hoa quả - Động vật nuôi trong gia đình, trong rừng, dưới nước. - Quy định và ố PTGT đường bộ- đường sắt: Ô Tô, xe máy, xe đạp, xe lu, tàu hỏa... - Quy định và PTGT đường hàng không: Máy bay, kính khí cầu.... - Quy định và PTGT đường thủy: Tàu thủy, thuyền buồm, ca nô.....
27. Trẻ nhận ra một vài mối quan hệ đơn giản của sự vật, hiện tượng quen thuộc khi được hỏi.	- Mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây quen thuộc với môi trường sống của chúng. - Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày - Ích lợi của nước đối với đời sống con người, con vật cây
28. Mô tả những dấu hiệu nổi bật của đối tượng được quan sát với sự gợi mở của cô giáo.	- Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày - Một số hiện tượng nắng mưa, nóng lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ - Một vài đặc điểm, tính chất của đất đá cát sỏi
29. Thể hiện một số điều quan sát được qua các hoạt động chơi, âm nhạc, tạo hình...	- Chơi đóng vai (bắt chước các hành động của những người gần gũi như chuẩn bị bữa ăn của mẹ, bác sĩ khám bệnh ... - Hát các bài hát về cây, con vật...

	-Vẽ, xé, dán, nặn con vật, cây, đồ dùng, đồ chơi, phương tiện giao thông đơn giản. VTV7 kids; Xứ sở cầu vồng
30.Trẻ kể được tên một số lễ hội lớn ở trường, ở địa phương.	- Một số ngày lễ hội lớn ở trường ở địa phương + Ngày khai giảng năm học mới + Tết trung thu + Ngày hội của cô giáo 20/11, Ngày thành lập quân đội nhân dân + Bé vui đón tết nguyên đán + Ngày hội của bà, mẹ, chị gái (8/3) + ngày tết thiếu nhi của bé
*Khám phá xã hội	
31. Nói được tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện.	+ Nhận biết về bản thân: Tên, tuổi, giới tính của bản thân: - Bé tự giới thiệu về mình. VTV7 kids; Bạn là Ai
32. Nói được tên của bố mẹ những người thân trong gia đình. Nói được địa chỉ, nhu cầu gia đình	+ Tên bố mẹ, các thành viên trong gia đình. (GD bé) + Địa chỉ gia đình(Ngôi nhà bé ở) + Nhu cầu gia đình(buawx ăn gia đình bé)
33. Nói được tên, trường/lớp. Tên và công việc của cô giáo, các hoạt động của trẻ ở trường mầm non.	+ Tên lớp mẫu giáo, tên và công việc của cô giáo + Tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp. + Các hoạt động của trẻ ở trường mầm non. VTV7 kids: Những người bạn
34. Kể tên và nói được một số ngành nghề, sản phẩm, và ích lợi của 1 số nghề phổ biến.	+ Nhận biết một số nghề, phổ biến và truyền thống của địa phương: - Tên gọi, sản phẩm và lợi ích của một số nghề phổ biến: Nghề sản xuất nông nghiệp, nghề thợ xây, nghề cô giáo, Bác sỹ, bộ đội , công an, bán hàng.... VTV7 kids. Lớn lên bạn làm gì
35. Kể tên một số ngày lễ hội: Ngày khai giảng, Tết Trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh.	+ Nhận biết các hoạt động trong ngày hội trong trường mầm non và lễ hội địa phương: Ngày khai giảng, Tết Trung thu ; ngày 20/11; ngày 22/12; Ngày tết Nguyên đán; Ngày 8/3 và Ngày sinh nhật Bác Hồ 19/5.
36. Kể tên một vài danh lam thắng cảnh, những địa danh của quê hương.	+ Cờ Tổ quốc, tên của di tích lịch sử, danh lam, thắng cảnh, quê hương, Bác Hồ + Nhận biết 1 số đặc điểm nổi bật về quê hương Diễn Kỷ; Diên Châu, nghệ An với những địa danh: Đền An Dương Vương, Hồ Xuân Dương, Sông Bùng, Lèn Hai Vai, Quê Bác Hồ, Quảng Trường Hồ Chí Minh.... : - Diên Kỷ quê hương em - Diên Châu mến yêu - Nghệ an yêu dấu
* LQ một số khái niệm về toán:	

*Nhận biết số đếm, số lượng	Tập hợp số lượng, số thứ tự và đếm
37. Quan tâm đến số lượng và đếm như hay hỏi về số lượng, đếm vẹt, biết sử dụng ngón tay để biểu thị số lượng.	- Trẻ biết cách đếm theo thứ tự bằng biểu thị như dùng ngón tay để chỉ, đếm từ trái qua phải nhóm số lượng và theo khả năng - Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. VTV7 kids: 1,2,3, ta cùng đếm
38. Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5.	- Đếm đến 2 nhận biết nhóm có 2 đối tượng - Đếm đến 3 nhận biết nhóm có 3 đối tượng. - Đếm đến 4 nhận biết nhóm có 4 đối tượng. - Đếm đến 5 nhận biết nhóm có 5 đối tượng.
39. Trẻ so sánh số lượng hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được các từ: bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn	+ Nhận biết được 2 nhóm số lượng bằng nhau và không bằng nhau. + Trả lời được từ nhiều hơn, ít hơn, bằng nhau
40. Trẻ biết gộp và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5. Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm	- Tách, gộp trong phạm vi 3; - Tách, gộp trong phạm vi 4. - Tách, gộp trong phạm vi 5
41. Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại	- Xếp tương ứng 1-1 - Ghép đôi - Xếp xen kẽ - Sao chép lại quy tắc sắp xếp đơn giản (Theo mẫu)
42. Trẻ so sánh hai đối tượng về kích thước và nói được các từ: to hơn/ nhỏ hơn; dài hơn/ ngắn hơn; cao hơn/ thấp hơn; bằng nhau	- Một và nhiều - So sánh về độ lớn của 2 đối tượng và nói được từ: To hơn, nhỏ hơn. - So sánh về chiều cao của 2 đối tượng và nói được từ: Cao hơn, thấp hơn. - So sánh về chiều dài của 2 đối tượng và nói được từ: Dài hơn, ngắn hơn. - So sánh về chiều dài của 2 đối tượng và nói được từ bằng nhau
43. Trẻ nhận dạng và gọi đúng tên các hình tròn, hình vuông, hình tam giác, hình chữ nhật	- Nhận biết, phân biệt: Hình vuông - hình tròn. - Nhận biết, phân biệt: Hình tam giác - hình chữ nhật. - Ghép giống hình ban đầu (Ôn 4 hình).
44. Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân	- Nhận biết phía trên - phía dưới, phía trước - phía sau của bản thân. - Nhận biết tay phải - tay trái của bản thân.

3. Lĩnh vực Phát triển ngôn ngữ	
<i>Nghe hiểu lời nói</i>	
45. Thực hiện được yêu cầu đơn giản, ví dụ: “Cháu hãy lấy quả bóng, ném vào rổ”.	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Cháu lấy cho cô quả bóng và ném vào rổ - Cháu cất hộp đất nặn vào giá cho cô..
46. Hiểu nghĩa từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa quả	- Đồ dùng đồ chơi trong trường mầm non: cầu trượt, bập bênh v... - Đồ cùng đồ chơi bạn trai, bạn gái, búp bê, quần sooc, váy v... - Đồ dùng trong gia đình: Bàn là, ấm điện quạt trần vv... - Đồ dùng các nghề, bảng, phấn, bai xẻng, quốc, kim tiêm - Các loại hoa quả, hoa hồng, hoa cúc, quả na, quả xoài, quả dứa.... - Các con vật chó, mèo, sư tử, các chếp... - Một số đặc điểm nổi bật của PTGT, nơi hoạt động.... - Hiện tượng tự nhiên: Mưa, nắng, sấm, chớp - Quê hương đất nước...
47. Lắng nghe và trả lời được câu hỏi của người đối thoại.	Nói, trả lời câu hỏi và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp: Giữa cô - trẻ; Trẻ - Trẻ
<i>Nói</i>	
48. Nói rõ ràng các tiếng	- Trả lời câu hỏi của người lớn; khi nói chuyện với người lớn tuổi. - Phát âm các tiếng của tiếng Việt - Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép trong hoàn cảnh cụ thể: Khi đồng ý làm theo yêu cầu.
49. Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm ...	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng - Hiểu các từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc.
50. Sử dụng được câu đơn, câu ghép.	- Trẻ trả lời và đặt các câu hỏi, ai? Cái gì? ở đâu? Khi nào? - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng. - Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu đơn mở rộng.
51. Trẻ kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..	- Kể lại được những sự việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: thăm ông bà, đi chơi, xem phim,..
52. Trẻ biết đọc thơ, ca dao, đồng giao, tục ngữ, hò vè.	+ Nghe, đọc một số bài thơ, ca dao, đồng dao...phù hợp với độ tuổi. * Ca dao, đồng giao, tục ngữ, hò vè. * Đồng dao, ca dao:

- Chi chi chành chành.
- Nu na nu nống.
- Đi cầu đi quán.
- Kéo cưa lừa xẻ.
- Lúa ngô là cô đậu nành.
- Con kiến mà leo cành đa.
- Lộn cầu vòng.
- Dung dăng dung dẻ.
- Đố ai đếm được lá rừng.

***Độc thơ**

** Chủ điểm trường mầm non.*

Quà trung thu, Bạn mới(Nguyệt Mai), Cô giáo của con (Hà Quang), Bé không khóc nữa(Vũ Thị Minh Tâm), Tình bạn(Trần Thị Hương), Chơi bán hàng(Nguyễn Văn Thắng), Bập bênh(Trần Nguyên Đào), Giờ ăn(Lê Thị Hoa), Cô giáo của con (Hà Quang), Chúng ta đều là bạn(Phạm Mai Chi), Sáo học nói(Mai Ngọc Uyển), Gấu qua cầu(Ngọc Trân sưu tầm), Mẹ và cô(Trần Quốc Toàn)

** Chủ điểm bản thân.*

Đôi mắt của em(Lê Thị Mỹ Phương), Miệng xinh(Phạm Hồ), Cái lưỡi(Lê Thị Mỹ Phương), Bạn của bé(Vương Trọng), Giờ ăn(Lê Thị Hoa), giờ ngủ(Lê Thị Hoa), Chối ngoan(Vũ Thị Minh Tâm), Mưa(sưu tầm), Sáo học nói (Mai Ngọc Uyển), Đau (Vũ Duy Chu)

** Chủ điểm gia đình*

Thăm nhà bà (Luồn chỉ cho bà, Bé ngoan, Phải là hai tay, Cô giáo của con(Hà Quang), Cô và mẹ(Trần Quốc Toàn), Cô dạy.(Phạm Hồ)..., Tôm vôi cho bà, Bé Hoa chia bánh, Gọn gàng ngăn nắp, Nụ cười, Chào hỏi nói năng.., Thương mẹ, Lời chào, Bà và cháu(Phạm Thị Thọ), Bé ngoan Thăm nhà bà(Như Mao), Luồn chỉ cho bà, Bé ngoan(Lương Bình - Kim Tuyền sưu tầm), Làm nghề như bố(Thu Quỳnh sưu tầm), Gió từ tay mẹ.

** Chủ điểm Nghề nghiệp.*

Cây dây leo, Em làm thợ xây(Hoàng Dân), Bé làm bao nhiêu nghề(Yên Thao), Làm nghề như bố(Thu Quỳnh sưu tầm), Bé xếp nhà ,các cô thợ(Thy Ngọc), Bác nông dân, Hạt gạo làng ta(Trần Đăng Khoa), Làm bác sĩ(Lê Ngân) Chú giải phóng quân; Làm họa sỹ dễ thôi (Tùng Bách); Hươu cao cổ (Định Hải)

** Chủ điểm Động vật*

Đàn gà con, Con chuồn chuồn ớt, Cún bông bị ốm, Bối tôi là vịt, Đàn kiến.

** Chủ điểm Thực vật*

Cây dây leo, Cây đào, Hoa mào gà, Củ cà rốt, Tết đang vào nhà. Dán hoa tặng mẹ

	<i>* Chủ điểm giao thông</i> Bé và mẹ; Đèn giao thông, Đèn đỏ - đèn xanh, Đèn kiến nó đi. <i>* Chủ điểm nước và hiện tượng tự nhiên.</i> Cầu vòng, nước, Mưa làm nũng. <i>* Chủ điểm QH – ĐN – Bác Hồ</i> - Bé tập nói (Trần Thị Nhật Tân), Hoa quanh lăng Bác (Nguyễn Bảo), Bác Hồ của em (Phan Thanh Nhân), Quê em (Trần Đăng Khoa), Làng em buổi sáng (Nguyễn Đức Hậu), Cờ Việt Nam (Thy Ngọc), Ảnh Bác (Trần Đăng Khoa), Ngôi nhà (Tô Hà), Em yêu miền nam (Sưu tầm), Đèn Tơ-rưng (Sưu tầm), Vườn em (Trần Đăng Khoa)
53. Trẻ kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn.	Kể lại chuyện đã được nghe có sự giúp đỡ <i>* Chủ điểm trường mầm non.</i> Anh chàng mèo mướp, Gấu qua cầu, Đôi bạn tốt, Chúng ta đều là bạn, Chú cuội cung trăng, Bàn Chải đánh răng (Thúy Hà dịch), Anh chàng mèo mướp, Đôi bạn tốt, Ai tài giỏi hơn. <i>* Chủ điểm bản thân</i> Cậu bé mũi dài (Lê Thị Hương – Lê Thị Đức sưu tầm), Món quà đặc biệt, Bé chẳng sợ tiêm, Đôi Tai Tôi dài quá, Ngôi nhà ngọt ngào, Gấu con bị đau răng, Bé Minh Quân dũng cảm (Minh Hương kể) <i>* Chủ điểm gia đình:</i> Anh em thỏ, Tích Chu, Cháu ngoan (Huỳnh Thị Cúc), Ba cô tiên, Nhỏ củ cải, Mẹ, Gà Trống và Vịt Bàu (Lương Thị Lam), Một bó hoa tươi thắm, Cô bé quàng khăn đỏ. <i>* Chủ điểm Nghề nghiệp.</i> Lợn và cừu, Sự tích hoa mào gà, Thần sắt (Theo truyện cổ dân tộc Thái), Ba chú lợn, Câu chuyện về chú xe ủi... <i>* Chủ điểm Động vật</i> Ba con gấu, Bác gấu đen và hai chú thỏ, Chú thỏ tinh khôn, Thỏ con ăn gì. <i>* Chủ điểm Thực vật</i> Rau thì là, Hoa đồng hồ, Sự tích hoa mào gà, Bé hành đi khám bệnh. <i>* Chủ điểm Giao thông:</i> Xe lu và xe ca, Xe đạp con trên đường phố, Ô tô con học bài. Vì sao thỏ cụt đuôi. <i>* Chủ điểm nước và hiện tượng tự nhiên.</i> Cóc kiện trời, Nàng tiên mưa, Cô con út của ông mặt trời. <i>* Chủ điểm Quê hương – Bác Hồ kính yêu.</i> Sự tích hồ gươm, Hoa cúc áo, Ai ngoan sẽ được thưởng, Sự tích vua hùng dạy dân cấy lúa. Sự tích ngày tết.

	- Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên. VTV7 kids. Xứ sở cầu vồng. Chuyện cổ tích
54. Trẻ bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện.	<i>* Chủ điểm trường mầm non.</i> Anh chàng mèo mướp, Gấu qua cầu, Đôi bạn tốt, Chúng ta đều là bạn, Chú cuội cung trăng, Bàn Chải đánh răng (Thúy Hà dịch), Anh chàng mèo mướp, Đôi bạn tốt, Ai tài giỏi hơn. <i>* Chủ điểm bản thân</i> Cậu bé mũi dài(Lê Thị Hương – Lê Thị Đức sưu tầm), Món quà đặc biệt, Bé chẳng sợ tiêm, Đôi Tai Tôi dài quá, Ngôi nhà ngọt ngào, Gấu con bị đau răng, Bé Minh Quân dũng cảm(Minh Hương kể) <i>* Chủ điểm gia đình:</i> Anh em thỏ, Tích Chu, Cháu ngoan(Huỳnh Thị Cúc), Ba cô tiên, Nhổ củ cải, Mẹ , Gà Trống và Vịt Bầu(Lương Thị Lam), Một bó hoa tươi thắm, Cô bé quàng khăn đỏ. <i>* Chủ điểm Nghề nghiệp.</i> Lợn và cừu, Sự tích hoa mào gà, Thần sắt(Theo truyện cổ dân tộc Thái), Ba chú lợn, Câu chuyện về chú xe ủi... <i>*Chủ điểm Động vật</i> Ba con gấu, Bác gấu đen và hai chú thỏ, Chú thỏ tinh khôn, Thỏ con ăn gì. <i>* Chủ điểm Thực vật</i> Rau thìa là, Hoa đồng hồ, Sự tích hoa mào gà, Bé hành đi khám bệnh. <i>* Chủ điểm Giao thông:</i> Xe lu và xe ca, Xe đạp con trên đường phố, Ô tô con học bài. Vì sao thỏ cụt đuôi. <i>* Chủ điểm nước và hiện tượng tự nhiên.</i> Cóc kiện trời, Nàng tiên mưa, Cô con út của ông mặt trời. <i>* Chủ điểm Quê hương – Bác Hồ kính yêu.</i> Sự tích hồ gươm, Hoa cúc áo, Ai ngoan sẽ được thưởng, Sự tích vua hùng dạy dân cấy lúa. Sự tích ngày tết. - Mô tả sự vật, tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Kể lại sự việc. - Đóng vai theo lời dẫn chuyện của giáo viên.
* Làm quen với đọc, viết	
55. Đề nghị người khác đọc sách cho nghe, tự giở sách xem tranh.	- Cầm sách đúng chiều, mở sách xem tranh và “Đọc” Truyện hướng đọc, viết từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới, hướng viết của các nét chữ, đọc ngắt nghỉ sau các dấu.

56. Nhìn vào tranh minh họa và gọi tên nhân vật trong tranh.	- Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau. -Cầm sách đúng chiều mở sách, xem tranh và đọc truyện - Giữ gìn sách cẩn thận
57. Trẻ thích vẽ, viết nguệch ngoạc	- Vẽ các nét đơn giản, nét thẳng đứng, nét xiên, nét ngang, nét cong tròn.
4. Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội	
58. Nói được tên tuổi, giới tính của bản thân, điều bé thích, không thích những việc gì bé có thể làm được	+ Tên tuổi, giới tính của bản thân + Nói được điều bé thích, không thích: Thích bạn nào, thích đồ chơi gì, thích đến lớp....
59. Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn khi trả lời câu hỏi.	+ Tự tin khi tham gia vào hoạt động(trò chơi, hoạt động lao động, vui chơi dã ngoại, hoạt động nhóm, hoạt động cá nhân) và trả lời câu hỏi.
60. Cố gắng thực hiện công việc được giao(trực nhật, dọn đồ chơi...).	+ Thực hiện công việc được người lớn giao như trực nhật: chia giấy vẽ, cất dọn đồ dùng, đồ chơi, xếp cất gối...
61. Nhận ra cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận qua nét mặt, giọng nói, qua tranh ảnh).	+ Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh.
62. Biết Biểu lộ cảm xúc vui, buồn, sợ hãi, tức giận.	+ Biểu lộ trạng thái cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát; vận động.
63. Nhận ra hình ảnh Bác Hồ. Thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ.	+ Hình ảnh Bác Hồ. Kính yêu Bác Hồ. + Nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ: Bài thơ “Bác Hồ của em”. Chuyện “Quả táo của Bác Hồ
64. Biết chào hỏi và nói cảm ơn, xin lỗi khi được nhắc nhở. Chú ý nghe cô, bạn nói.	+ Cử chỉ, thái độ, lời nói lễ phép(Chào hỏi, cảm ơn, lắng nghe khi người khác nói) - Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi, xin lỗi, cảm ơn.
65. Thực hiện được một số quy quy định ở lớp và gia đình	+ Một số quy định ở lớp (để đồ dùng, đồ chơi đúng nơi quy định, giờ ngủ không làm ồn... + Ở gia đình : Yêu mến Ông Bà, Bố Mẹ, Anh, Chị, Em vâng lời ông bà, bố mẹ, mời trước khi ăn, xin phép trước khi đi và chào hỏi khi về.... - Dạy trẻ kỹ năng chào hỏi, lễ phép
66. Cùng chơi với các bạn trong trò chơi theo nhóm nhỏ.	+ Chờ đến lượt + Chơi hòa thuận với bạn.
67. Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và chăm sóc cây. Bỏ rác đúng nơi quy định.	+ Bảo vệ, chăm sóc con vật, cây cối: - Trải nghiệm là vườn. + Tiết kiệm điện nước trong sinh hoạt + Giữ gìn vệ sinh môi trường. Nhặt bỏ rác đúng nơi quy định: - Cùng bé phân loại rác. + Nhận biết hành vi “đúng”- “sai”, “tốt”- “xấu”

5. Lĩnh vực Lĩnh Vực phát triển thẩm mỹ

68. Trẻ vui sướng, vỗ tay, nói lên cảm nhận của mình khi nghe các âm thanh gọi cảm và ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật, hiện tượng.	- Vui sướng, vỗ tay khi nhìn thấy những hình ảnh đẹp, mới lạ, hấp dẫn như bông hoa đẹp, con vật đáng yêu, bức tranh đẹp, bản nhạc hay..
69. Trẻ chú ý nghe, tỏ ra thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc.	<u>*Chủ điểm trường mầm non:</u> Nghe hát: + Ngày đầu tiên đi học, Bé đi học, Đi học, Bài ca đi học, Em yêu trường em, Chiếc đèn ông sao, Trường chúng cháu là trường mầm non(Phạm Tuyên), Cô giáo(Nhạc Đỗ Mạnh Thường –Thơ Nguyễn Hữu Tường), Đêm trung thu, Cho con. + Dạy hát : Cháu đi Mẫu giáo(Nhạc và Lời Phạm Minh Tuấn), Chào hỏi(Trần Hoàng Tuyền), Vui đến trường(Hồ Bắc).Cô và mẹ, Đêm trung thu, Đi học về, Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên), Lời chào buổi sáng, Chiếc đèn ông sao, Cô và mẹ.. + Trò chơi: Ai nhanh nhất, Tai ai tinh, bạn ở đâu <u>* Chủ điểm bản thân:</u> + Dạy Hát: Mời bạn ăn,Tóm được rồi, Hãy xoay nào, Nào chúng ta cùng tập thể dục.Mời bạn ăn(Trần Ngọc), Tay thơm tay ngoan, Nào chúng ta cùng tập thể dục(Thu Hiền st), Cái mũi, Năm ngón tay ngoan, Mừng sinh nhật(Nhạc Ngọc Anh – Lời dịch Đào Ngọc Dung), Xòe bàn tay nắm ngón tay (Minh Quân), Hoa bé ngoan (Hoàng Văn Yến) + Nghe hát: Chiếc đèn ông sao,Mừng sinh nhật, Hãy lắng nghe, Thật đáng chê(Lời Việt Anh), Khúc hát ru người mẹ trẻ,(Nhạc Phạm Tuyên –Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ) Bàn tay mẹ(nhạc Bùi Đình Thảo – Thơ Tại Hữu Yên) + Trò chơi: Ai đoán giỏi; Tai ai tinh, tiếng hát ở đâu. <u>*Chủ điểm gia đình:</u> + Dạy hát: Cô và mẹ, Đi học về, Bác nông dân,Nhà của tôi(Thu Hiền), Cả nhà thương nhau, Chiếc khăn tay(Văn Tấn), Bé quét nhà (Hà Đức Hậu), Cô giáo, Cô và mẹ(Phạm Tuyên). Mẹ yêu không nào(Lê Xuân Thọ), Cháu yêu bà(Nhạc và lời Xuân Giao), Đi học về(Hoàng Long – Hoàng Lâm), Bác nông dân, Bàn tay mẹ.. + Nghe Hát: Ba mẹ là quê hương,Con chim vành khuyên, Cô giáo miền xuôi, Em đi trong tươi xanh, Ước mơ xanh Chỉ có một trên đời(nhạc Trương Quang Lục), Cho con(Nhạc

Phạm Trọng Cầu – thơ Tuấn Dũng), Lời ru mùa đông, Cô giáo, Đi cấy, Gia đình nhỏ - Hạnh phúc to.

+ Trò chơi: Nghe tiếng hát tìm đồ vật, Đoán tên bạn hát, Bao nhiêu bạn hát, Thi ai nhanh, Hát theo hình vẽ.

* Chủ điểm nghề nghiệp

+ Dạy hát:

Em tập lái ô tô, Ước mơ của bé, Bác nông dân, Bắp cải xanh, Quả - Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền), Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến), Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu), Ngày mùa vui, Thật đáng chê, Làm chú bộ đội (Hoàng Long), Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến).. Em đưa cơm cho mẹ đi cày..

+ Nghe hát:

Đi cấy, Xe chỉ luân kim, Anh phi công ơi; Cây trúc xinh; Hoa thơm bướm lượn: Ước mơ xanh, Lý cây bông, Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý), Hạt gạo làng ta (Nhạc Trần Văn Bính – lời Trần Đăng Khoa), Dân ca tự chọn, Ba em là công nhân lái xe, Cháu hát về đảo xa.

+ Trò chơi: Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Tiếng hát ở đâu, Ai nhanh nhất, Tai ai tinh..

* Chủ điểm động vật:

+ Dạy hát:

Gà trống, mèo con và cún con, Chú voi con, Con cào cào, Con gà trống, Một con vịt. Con chuồn chuồn, Đàn gà con (Nhạc nước ngoài, lời: Việt Anh), Ai cũng yêu chú mèo (Kim Hữu), Đàn vịt con (Mộng Lân), Cá vàng bơi (hải Hà), Đố bạn biết ,... Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân); Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề

+ Nghe hát:

Chú voi con ở bản Đôn, Chú ếch con, Rửa mặt như mèo. Gà gáy le te (Dân ca Cống Khao), Cò lả (Dân ca đồng bằng Bắc bộ), Tôm cá, cua thi tài (Hoàng Thị Dinh); Lý hoài nam (Dân ca nam bộ); Dân ca tự chọn,... Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục);

+ Trò chơi: Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Bao nhiêu bạn hát

* Chủ điểm thực vật:

+ Dạy hát:

Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ); Cây bắp cải (Nhạc: Thu Hồng, Lời: Phạm Hồ); Quả (Xanh Xanh); Bầu và bí (Phạm Tuyên), Màu hoa (Hồng Đăng); Bắp cải xanh, Quả; Hoa kết trái, Lý cây xanh, Em yêu cây xanh, Sắp đến tết rồi ... Biểu diễn bài hát trong chủ đề

+ Nghe hát:

Hoa trong vườn, Vườn cây của ba, Cây trúc xinh; Hoa thơm bướm lượn; Tết, Ngày tết quê em, Những cô gái trên quê hương quan họ, Bầu bí thương nhau, Quả.
+ Trò chơi: Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Tiếng hát ở đâu

* Chủ điểm giao thông:

+ Dạy hát:

Đèn đỏ đèn xanh (Lương Vĩnh), Đi đường em nhớ (Hoàng Văn Yến), Nhớ lời cô dặn, Đi trên vỉa hè bên phải (Nguyễn Thị Thanh); Vâng lời cô (Nguyễn Thị Thiếp), Lái ô tô (Hoàng Phi), Đường và chân (Hoàng Long).Đường em đi (Nhạc: Ngô Quốc Tính, Lời: Tường Văn); Đèn xanh đèn đỏ (Nhạc: Lương vĩnh, Ý thơ: Thế Hội), Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý); Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Bạn ơi có biết? (Hoàng Văn Yến)
.... Quà 8/3 (Hoàng Long);

+ Nghe hát:

Đèn xanh – đèn đỏ, Bàn tay mẹ, Ngồi tựa mạn thuyền, Bạn ơi có biết không, Đi đường em nhớ.
Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến) ; Nhớ lời cô dặn (Hồng Ngọc); Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường), Anh phi công ơi! (Nhạc: Xuân Giao, Lời thơ: Xuân Quỳnh)...

+ Trò chơi: Hát theo hình vẽ; Nghe thẩu hát tài

* Chủ điểm nước và hiện tượng tự nhiên:

+ Dạy hát:

Con mèo ra bờ sông, Bé và trăng, Cho tôi đi làm mưa với.

Trời nắng trời mưa (Đặng Nhật Mai); Trên cát (Nhạc nước ngoài); Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung; Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích)....

+ Nghe hát:

Mưa rơi, Bèo dạt mây trôi, Ánh trăng hoà bình, Đưa cơm cho mẹ đi cày, Bé yêu biển, Chị ong nâu và em bé., Dân ca tự chọn; Hạt nắng hạt mưa (Nhạc Khánh Vinh, thơ Lê Bình); Mưa rơi (Dân ca Xá); Bốn mùa

+ Trò chơi: Hát theo hình vẽ; Nghe thẩu hát tài. Trái đất này là của chúng mình ... (cop vào hoạt động âm nhạc gan chu diem que hương

* Chủ điểm Quê hương – Bác Hồ kính yêu.

+ Dạy hát:

Bầu và bí, Quê hương tươi đẹp, Em mơ gặp Bác Hồ, Đêm pháo hoa (Phạm Tuyên), Hòa bình cho bé (Huy Trân)

	Múa đàn (Theo điệu dân ca Thái, Lời: Việt Anh); Đi thăm Thủ đô (Bùi Anh Tôn); Bé em tập nói (Hoàng Long) Nhớ ơn Bác(Phan Huỳnh Điểu) , + Nghe hát: Tiếng chim trong vườn Bác, Bác Hồ người cho em tất cả,Nhớ giọng hát Bác Hồ, Về quê mình Điện Châu.Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng, Việt Nam quên hương tôi, Yêu Hà Nội. Từ thủ đô về thăm quê Bác. Đêm pháo hoa (Phạm Tuyên); Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (Hoàng Long- Hoàng Lê); Em mơ gặp Bác Hồ (Xuân Giao); Em đi trong trời xanh (Vũ Thanh),... + Trò chơi: Nghe thâu hát tài; Hát theo hình vẽ.
70. Trẻ hát tự nhiên, hát được theo giai điệu bài hát quen thuộc.	<u>*Chủ điểm trường mầm non:</u> Nghe hát: + Ngày đầu tiên đi học, Bé đi học, Đi học, Bài ca đi học, Em yêu trường em, Chiếc đèn ông sao, Trường chúng cháu là trường mầm non(Phạm Tuyên), Cô giáo(Nhạc Đỗ Mạnh Thường –Thơ Nguyễn Hữu Tường), Đêm trung thu. + Dạy hát : Cháu đi Mẫu giáo(Nhạc và Lời Phạm Minh Tuấn), Chào hỏi(Trần Hoàng Tuyền),Vui đến trường(Hồ Bắc).Cô và mẹ, Đêm trung thu, Đi học về, Em đi mẫu giáo (Dương Minh Viên), Lời chào buổi sáng, Chiếc đèn ông sao.. + Trò chơi: Ai nhanh nhất, Tai ai tinh, bạn ở đâu <u>* Chủ điểm bản thân:</u> + Dạy Hát: Mời bạn ăn,Tóm được rồi, Hãy xoay nào, Nào chúng ta cùng tập thể dục.Mời bạn ăn(Trần Ngọc), Tay thơm tay ngoan, Nào chúng ta cùng tập thể dục(Thu Hiền st), Cái mũi, Năm ngón tay ngoan, Mừng sinh nhật(Nhạc Ngọc Anh – Lời dịch Đào Ngọc Dung), Xòe bàn tay năm ngón tay (Minh Quân), Hoa bé ngoan (Hoàng Văn Yên) + Nghe hát: Mừng sinh nhật, Hãy lắng nghe, Thật đáng chê(Lời Việt Anh), Khúc hát ru người mẹ trẻ,(Nhạc Phạm Tuyên – Thơ Lâm Thị Mỹ Dạ) Bàn tay mẹ(nhạc Bùi Đình Thảo – Thơ Tại Hữu Yên) + Trò chơi: Ai đoán giỏi; Tai ai tinh

*Chủ điểm gia đình:

+ Dạy hát:

Cô và mẹ, Đi học về, Bác nông dân, Nhà của tôi (Thu Hiền), Cả nhà thương nhau, Chiếc khăn tay (Văn Tấn), Bé quét nhà (Hà Đức Hậu), Cô giáo, Cô và mẹ (Phạm Tuyên). Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ), Cháu yêu bà (Nhạc và lời Xuân Giao), Đi học về (Hoàng Long – Hoàng Lân), Bác nông dân..

+ Nghe Hát:

Ba mẹ là quê hương, Con chim vành khuyên, Cô giáo miền xuôi, Em đi trong trời xanh, Ước mơ xanh Chỉ có một trên đời (nhạc Trương Quang Lục), Cho con (Nhạc Phạm Trọng Cầu – thơ Tuấn Dũng), Lời ru mùa đông, Cô giáo, Đi cấy

+ Trò chơi: Nghe tiếng hát tìm đồ vật, Đoán tên bạn hát, Bao nhiêu bạn hát.

* Chủ điểm nghề nghiệp

+ Dạy hát:

Em tập lái ô tô, Ước mơ của bé, Bác nông dân, Bắp cải xanh, Quả - Cháu yêu cô thợ dệt (Thu Hiền), Cháu yêu cô chú công nhân (Hoàng Văn Yến), Lớn lên cháu lái máy cày (Kim Hữu), Ngày mùa vui, Thật đáng chê, Làm chú bộ đội (Hoàng Long), Cháu thương chú bộ đội (Hoàng Văn Yến).., Em đưa cơm cho mẹ đi cày..

+ Nghe hát:

Đi cấy, Xe chỉ luân kim, Anh phi công ơi; Cây trúc xinh; Hoa thơm bướm lượn: Ước mơ xanh, Lý cây bông, Màu áo chú bộ đội (Nguyễn Văn Tý), Hạt gạo làng ta (Nhạc Trần Văn Bính – lời Trần Đăng Khoa), Dân ca tự chọn

+ Trò chơi: Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Tiếng hát ở đâu

* Chủ điểm động vật:

+ Dạy hát:

Gà trống, mèo con và cún con, Chú voi con, Con cào cào, Con gà trống, Một con vịt. Con chuồn chuồn, Đàn gà con (Nhạc nước ngoài, lời: Việt Anh), Ai cũng yêu

chú mèo (Kim Hữu), Đàn vịt con (Mộng Lân), Cá vàng bơi (hải Hà), Đố bạn biết ,...Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân); Biểu diễn văn nghệ cuối chủ đề

+ Nghe hát:

Chú voi con ở bản Đôn, Chú ếch con, Rửa mặt như mèo. Gà gáy le te (Dân ca Cống Khao), Cò lả (Dân ca đồng bằng Bắc bộ), Tôm cá, cua thi tài (Hoàng Thị Dinh); Lý hoài nam (Dân ca nam bộ); Dân ca tự chọn,...Em thêm một tuổi (Trương Quang Lục);

+ Trò chơi: Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Bao nhiêu bạn hát

* Chủ điểm thực vật:

+ Dạy hát: Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ); Cây bắp cải (Nhạc: Thu Hồng, Lời: Phạm Hồ); Quả (Xanh Xanh);Bầu và bí(Phạm Tuyên) ,Màu hoa (Hồng Đăng); ...Biểu diễn bài hát trong chủ đề

Bắp cải xanh, Quả ; Hoa kết trái,Lý cây xanh, Em yêu cây xanh

+ Nghe hát:

Hoa trong vườn, Vườn cây của ba, Cây trúc xinh; Hoa thơm bướm lượn; Tết, Ngày tết quê em, Những cô gái trên quê hương quan họ, Bầu bí thương nhau, Quả.

+ Trò chơi: Nghe giai điệu đoán tên bài hát, Tiếng hát ở đâu

* Chủ điểm giao thông:

+ Dạy hát: Đèn đỏ đèn xanh (Lương Vĩnh), Đi đường em nhớ (Hoàng Văn Yến), Nhớ lời cô dặn, Đi trên vỉa hè bên phải (Nguyễn Thị Thanh); Vâng lời cô (Nguyễn Thị Thiếp), Lái ô tô(Hoàng Phi), Đường và chân (Hoàng Long).Đường em đi (Nhạc: Ngô Quốc Tính, Lời: Tường Vãn); Đèn xanh đèn đỏ (Nhạc: Lương vĩnh, Ý thơ: Thế Hội), Em tập lái ô tô (Nguyễn Văn Tý); Đoàn tàu nhỏ xíu (Mộng Lân); Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn Yến); Bạn ơi có biết? (Hoàng Văn Yến) Quà 8/3 (Hoàng Long);

+ Nghe hát:

71. Vận động theo nhịp điệu, vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc (Vỗ tay theo nhịp, phách, vận động minh họa). -Trẻ biết một số điệu múa dân gian , hiện đại	Bàn tay mẹ, Ngồi tựa mạn thuyền, Bạn ơi có biết không, Đi đường em nhớ. Những con đường em yêu (Hoàng Văn Yến) ; Nhớ lời cô dặn (Hong Ngọc); Em đi chơi thuyền (Trần Kiệt Tường), Anh phi công ơi! (Nhạc: Xuân Giao, Lời thơ: Xuân Quỳnh)... + Trò chơi: Hát theo hình vẽ; Nghe thâu hát tài * <u>Chủ điểm nước và hiện tượng tự nhiên:</u> + Dạy hát: Con mèo ra bờ sông, Bé và trăng, Cho tôi đi làm mưa với. Trời nắng trời mưa (Đặng Nhất Mai); Trên cát (Nhạc nước ngoài); Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung; Nắng sớm (Hàn Ngọc Bích).... + Nghe hát: Mưa rơi, Bèo dạt mây trôi, Ánh trăng hoà bình, Đưa cơm cho mẹ đi cày, Bé yêu biển, Chị ong nâu và em bé., Dân ca tự chọn; Hạt nắng hạt mưa (Nhạc Khánh Vinh, thơ Lê Bình); Mưa rơi (Dân ca Xá); Bốn mùa + Trò chơi: Hát theo hình vẽ; Nghe thâu hát tài.Trái đất này là của chúng mình ...(cop vào hoạt động âm nhạc gan chủ điểm quê hương * <u>Chủ điểm Quê hương – Bác Hồ kính yêu.</u> + Dạy hát: Bầu và bí, Quê hương tươi đẹp, Em mơ gặp Bác Hồ, Đêm pháo hoa (Phạm Tuyên), Hòa bình cho bé (Huy Trân) Múa đàn (Theo điệu dân ca Thái, Lời: Việt Anh); Đi thăm Thủ đô (Bùi Anh Tôn); Bé em tập nói (Hoàng Long) Nhớ ơn Bác(Phan Huỳnh Điểu) , + Nghe hát: Tiếng chim trong vườn Bác, Bác Hồ người cho em tất cả,Nhớ giọng hát Bác Hồ, Về quê mình Diên Châu.Ai yêu Bác Hồ Chí Minh hơn thiếu niên nhi đồng, Việt Nam quên hương tôi, Yêu Hà Nội. Từ thủ đô về thăm quê Bác. Đêm pháo hoa (Phạm Tuyên); Từ rừng xanh cháu về thăm Lăng Bác (Hoàng Long- Hoàng Lê); Em mơ gặp
--	---

	Bác Hồ (Xuân Giao); Em đi trong tươi xanh (Vũ Thanh),... + Trò chơi: Nghe thẩu hát tài; Hát theo hình vẽ. - Rèn cho trẻ tính tự lập, tinh thần đồng đội mạnh dạn khi đi tham quan, dã ngoại, hoạt động ngoại khóa
72. Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn nói lên cảm nhận của mình trước vẻ đẹp nổi bật (về màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.	Nhận xét sản phẩm tạo hình của mình của bạn.
73. Vẽ các nét thẳng, xiên, ngang, tô màu tạo thành bức tranh đơn giản.	+<i>Chủ điểm mầm non:</i> - Tô màu đu quay - Tô màu chùm bóng bay - Dán bập bênh +<i>Chủ điểm bản thân:</i> - Tô màu mũ bé trai, mũ bé gái. - Làm chiếc nơ - Tô màu chiếc đèn lồng. +<i>Chủ điểm gia đình:</i> - Trang trí khăn mùi soa - Tô màu bức tranh gia đình - Tô màu ngôi nhà của bé. - Dán cái cốc - Dán cái thang. +<i>Chủ điểm nghề nghiệp:</i> - Tô màu một số sản phẩm nghề nông - Vẽ, tô màu bình hoa - Vẽ những cuộn len màu. - Trang trí khay đựng màu + <i>Chủ điểm động vật:</i> - Vẽ, tô màu con gà con. - Tô màu con hươu cao cổ - Cắt, dán con cá. - Xé, dán con sứa. - Trang trí con sao biển. - Vẽ tranh đề tài

	+ <i>Chủ điểm thực vật:</i> - Vẽ tô màu cây ăn quả. - Xé dán bánh chưng - Vẽ, tô màu quả cà chua, quả bí xanh. - Vẽ những bông hoa bằng vân tay. - Vẽ tranh đề tài - Xé dán quả chuối. - Xé, dán tán lá cây. + <i>Chủ điểm giao thông:</i> - Tô màu khinh khí cầu. - Vẽ, Tô màu ô tô - Vẽ , tô màu xe máy. - Ghép hình ô tô - Làm cánh buồm. + <i>Chủ điểm nước và hiện tượng tự nhiên:</i> - Vẽ mưa, vẽ cây cỏ - Trang trí chiếc phao. - Xé dán tia nắng mặt trời - Xé dán đuôi điều. - Xé, dán chiếc ô che mưa + <i>Chủ điểm QH-ĐN-Bác Hồ:</i> - Vẽ tranh đề tài(Cô giáo chọn) - Tô Màu dây cò. - VTV7 kids: Học vẽ cùng ếch con...
74. Trẻ sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý.	- Làm tranh , ĐDDC sáng tạo bằng nguyên vật liệu, tranh tập thể, tranh chủ đề. - Sử dụng nguyên vật liệu thiên nhiên(Lá khô, sỏi, quả khô...), phế liệu(Len, ống nút..) tạo ra sản phẩm theo gợi ý của cô.
75. Cắt, Xé theo dải, xé vụn và dán thành sản phẩm đơn giản.	- Sử dụng một số kỹ năng. Cắt. Xédán theo mẫu, đề tài, ý thích. - Luyện kỹ năng xé theo dải, xé vụn và dán bức tranh phù hợp chủ đề.
76. Biết cách, lăn dọc, xoay tròn, ấn dẹt đất nặn để tạo	- Nặn đồ chơi bé thích - Nặn bánh hình tròn

thành sản phẩm có 1 hoặc 2 khối.	- Nặn bánh hình dài - Nặn quả tròn - Nặn hoa - quả bé thích - Nặn củ, quả dài. - Nặn bánh xe - Nặn đồ dùng trong gia đình(Đũa, thìa...) -Nặn quà tặng chú bộ đội - Nặn con vật nuôi bé thích, Nặn thức ăn cho con vật... - Nặn máy bay.
77. Biết xếp chồng, xếp cạnh, xếp cách tạo thành các sản phẩm có cấu trúc đơn giản.	+ Xếp chồng, xếp cạnh tạo thành các sản phẩm: Xếp nhà, xếp bàn, ghế, cầu, đường đi, hình người...
78. Tạo ra các sản phẩm tạo hình theo ý thích. Biết nhận xét sản phẩm tạo hình. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình	+ Sử dụng các nguyên vật liệu tạo ra các sản phẩm đơn giản tạo hình theo ý thích. +Nhận xét các sản phẩm và đặt tên cho sản phẩm tạo hình.
79. Đặt tên cho sản phẩm tạo hình của mình, của bạn(KQMD)	- Tổ chức hoạt động tạo hình và cho trẻ tự đặt tên cho các sản phẩm tạo hình của mình, của bạn.
80. Tạo ra các sản phẩm theo ý thích	- Vẽ, nặn, cắt, xé, dán các sản phẩm tạo hình theo ý thích , theo tưởng tượng, sáng tạo của trẻ.
Mục tiêu bổ sung nội dung tăng cường	
81. Tiếng anh: Nghe và nhận diện, nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật hiện tượng và hành động rất đơn giản quen thuộc với lứa tuổi; Nghe và nhắc lại được từ chỉ số từ 1 đến 3, một số từ, cụm từ rất đơn giản, quen thuộc với lứa tuổi.	- Trẻ làm quen với 35 từ tiếng Anh, số 1- số 3, 5 mẫu câu cơ bản, tập làm quen với việc phát âm các âm trong tiếng Anh. - Nhắc lại một số bài văn vắn, bài thơ rất đơn giản, quen thuộc; - - Hát theo một số bài hát rất đơn giản, quen thuộc; - - Trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản của truyện đã được nghe.
82. Trẻ được phát triển năng khiếu múa	+ Trẻ nắm được các động tác cơ bản + Trẻ cơ bản biết thực hiện được các động kết hợp + Trẻ thực hiện được 1-2 bài múa theo yêu cầu.